

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 07 – 9 - 2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Bằng

Ông Nguyễn Khánh Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Tú Q**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 14, số 87, khu C, Nông trường A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Chí L**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Huỳnh Thị Tú Q trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Tú Q và anh Nguyễn Chí L quen biết tìm hiểu được 01 năm thì vợ chồng tự nguyện đi đến UBND xã L, huyện T đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2014. Đây là hôn nhân lần đầu của chị Q.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ 3, ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn xúc phạm danh dự nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là do anh L ham chơi game, không tu chí làm ăn lo cho gia đình, bỏ bê không quan tâm đến vợ con. Chị Q đã nhiều lần khuyên anh L nên sửa đổi bản thân nhưng anh L không chịu khắc phục. Vào giữa năm 2021, chị Q đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, sau đó có rút đơn cho anh L một cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn anh L vẫn tính nào tạt nẩy không chịu thay đổi.

Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị Q đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại Ấp N, An V, xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để sinh sống và làm việc, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Quỳnh yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

- *Về con chung:* Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Huỳnh Thu N, sinh ngày 12/4/2015. Khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Hiện chị Q làm công nhân, thu nhập bình quân 7.500.000đ/tháng. Con chung đang sống cùng chị Q.

- *Về tài sản chung:* Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nợ chung:* Chị Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Chí L vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Tú Q được ly hôn với anh Nguyễn Chí L;

+ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thu N, sinh ngày 12/4/2015 cho chị Huỳnh Thị Tú Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh Nguyễn Chí L không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị Tú Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn anh Nguyễn Chí L cư trú tại tổ 3, ấp 2, xã Lộ 25, huyện Thống Nhất nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Tú Q và anh Nguyễn Chí L tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân UBND xã Lộ 25, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2014 nên căn cứ theo Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp.

*Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy:* Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình. Quá trình ly thân giữa anh chị cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau là có căn cứ phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 24/6/2022, bà Hoàng Thị L là mẹ ruột của chị Q cho biết vợ chồng chị Q, anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Theo bà Lý xác

định anh L ham chơi, không tu chí làm ăn lo cho gia đình, gia đình bà đã nhiều lần nhắc nhở anh L nhưng anh L vẫn không chịu khắc phục. Hiện chị Q đã bỏ về sống chung với cha mẹ đẻ tại huyện Long Thành để sinh sống. Bà L mong muốn Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh L để sớm ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức Hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh L đều vắng mặt, cả anh L và chị Q đều không có ý thức hàn gắn hay có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị Q và anh L đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là cháu Huỳnh Thu N, sinh ngày 12/4/2015.

*Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Thu N, nhận thấy*: Hiện tại cháu N đang sống chung với chị Q, chị Q làm công nhân thu nhập bình quân 7.500.000đ /tháng. Ngoài ra còn có cha mẹ đẻ phụ giúp về tài chính và thời gian để đưa đón cháu đi học. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao cháu Huỳnh Thu N, sinh ngày 12/4/2015 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị Quỳnh không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Q xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] *Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án* là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tú Q.

**1. Về hôn nhân:** Xử cho chị Huỳnh Thị Tú Q và anh Nguyễn Chí L được ly hôn.

**2. Về con chung:** Giao cháu Huỳnh Thu N, sinh ngày 12/4/2015 cho chị Huỳnh Thị Tú Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Tạm thời anh Nguyễn Chí L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Huỳnh Thị Tú Q không yêu cầu.

Anh Nguyễn Chí L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

**4. Về tài sản chung, nợ chung:** Tòa án không xem xét giải quyết.

**5. Về án phí:** Chị Huỳnh Thị Tú Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0003631 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Quỳnh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H. Thống Nhất;
- UBND xã Lộ 25, huyện Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hoàng Thị Lan**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Thùy Trang**





**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Thùy Trang**

]







**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND P. Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Quang Phúc**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, - tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Thơm**

2. Bà **Hà Thị Linh Thúy**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, về “Xin ly hôn”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Vương**- sinh năm: 1985

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Lâm Quang Tuấn** - sinh năm: 1986

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trưng tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

## **1. Về điều luật áp dụng:**

\* *Ý kiến của HTND Thơm*: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

\* *Ý kiến của HTND - Thúy*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thơm.

\* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về điều luật áp dụng, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

## **2. Về nội dung:**

\* *Ý kiến của HTND - Thúy*:

- Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng Vương và ông Lâm Quang Tuấn được ly hôn .

- Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Lâm Gia Hân - sinh ngày: 06/11/2011 cho bà Vương tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Ông Lâm Quang Tuấn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bầu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

+ Ông Tuấn được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.



- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Vương phải bào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 002211 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

\* *Ý kiến của HTND Thom*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thúy.

\* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về nội dung, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
PHIÊN TÒA**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**